

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 93/2021/DSST

Ngày: 10-12-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Võ Thị Hồng Trà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Công Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2016/TLST-DS ngày 05/12/2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST-DS ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T..., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Văn Thị Ngọc T, sinh năm 1989; Địa chỉ: 34/11..., phường..., Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm H, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2013, các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có bán cho bị đơn bà Văn Thị Ngọc T 01 chiếc xe gắn máy mang biển số kiểm soát 78G1 126.38, ngày 29/03/2013 bà T còn nợ lại số tiền 3.500.000 đồng, cam kết trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng theo giấy nhận nợ đề ngày 29/7/2013. Từ ngày nhận nợ cho đến nay bị đơn bà T không trả nợ như cam kết nên nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.125%/tháng, tính từ ngày 29/7/2013 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ năm 2000 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ ký vào giấy bán xe để người mua xe làm thủ tục sang tên xe chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân thương mại Thanh S bán cho khách hàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng củ a Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 428, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày nhận nợ mua xe cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Văn Thị Ngọc T phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000 đồng đối với xe gắn máy mang biển số kiểm soát 78G1 126.38 và tiền lãi theo lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày nhận nợ mua

xe cho đến khi trả nợ xong. Tài liệu, chứng cứ bà S gửi kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc giấy nhận nợ đề ngày 29/7/2013 có nội dung bị đơn mua xe gắn máy mang biển số kiểm soát 78G1 126.38, đến ngày 29/7/2013 bị đơn còn nợ lại tổng số tiền 3.500.000 đồng. Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về quyền sở hữu đối với xe gắn máy mang biển số kiểm soát 78G1 126.38 nhưng bà S không cung cấp.

[3.2] Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 14/03/2020 (*bút lục số 26*) và Công văn số 267/CSGT ngày 12/03/2020 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Yên cung cấp thông tin, chiếc xe bị đơn bà T mua có biển số 78G1-126.38, số máy: RL8152FMHL1SA000160, số khung: RPKDCH6PKAH000160 do ông Phạm H đứng tên chủ sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm H thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; Đối chiếu lời khai của ông H, bà S nên đủ cơ sở xác định: chiếc xe mô tô biển số 78G1-082.05 do ông Phạm H đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe mà bà S bán cho bà T là tài sản của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Thanh S.

Theo giấy nhận nợ đề ngày 29/7/2013, bị đơn bà Văn Thị Ngọc T bán chiếc mô tô biển số 78G1-082.05 lại cho bà Hồ Thị Thanh S và đã nhận đủ tiền bán xe, hiện còn nợ lại tiền mua xe của bà Hồ Thị Thanh S tính đến ngày 29/7/2013 là 3.500.000 đồng. Theo nguyên đơn bà S trình bày, từ ngày nhận nợ cho đến nay, bà T không trả khoản nợ nào cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho bà S. Như vậy, bị đơn không trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy nhận nợ đã cam kết nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn: Theo giấy nhận nợ đề ngày 29/7/2013, các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% của mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong nợ là phù hợp nên chấp nhận. Tiền lãi chậm trả từ ngày 29/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/12/2021 là 08 năm 04 tháng 11 ngày x 3.500.000 đồng x 1.125%/tháng = 3.951.937 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 7.451.937 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 227, 228, 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 476 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Văn Thị Ngọc T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 7.451.937 đồng (*bảy triệu bốn trăm năm mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng*) trong đó: tiền gốc 3.500.00 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi 3.951.937 đồng (*ba triệu chín trăm năm mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Về án phí : Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T phải chịu 372.596 đồng (*ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền tạm ứng án phí 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004407 ngày 28/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang